

BỘ CÔNG THƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ **ba**)

NĂM 2025

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN MÁY VÀ DỤNG CỤ CÔNG NGHIỆP**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIV, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập,...;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp bao gồm các nội dung sau:

**Chương I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

2.1. Ban kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định có liên quan.

2.3. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2.4. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty không làm thiệt hại đến lợi ích của Công ty và cổ đông.

Chương II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

3.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3.4. Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình và của Ban kiểm soát.

3.5. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.

3.6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát định kỳ về tình hình và kết quả kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công, báo cáo ngay về các hoạt động bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình. Khi thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát kịp thời.

3.7. Các thành viên Ban kiểm soát có ý kiến đối với báo cáo kết quả kiểm tra giám sát, báo cáo thẩm định tài chính hàng năm và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

3.8. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

3.9. Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3.10. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

3.11. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát (BKS).

4.1. Ban kiểm soát có ba (3) thành viên, trong đó 01 Trưởng ban và 02 kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo cách thức được quy định tại Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4.3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4.5. Trưởng ban kiểm soát chịu trách nhiệm và là đầu mối quan hệ và trực tiếp giải quyết công việc hàng ngày của BKS;

4.6. Ban kiểm soát sử dụng Thư ký Công ty làm thư ký các cuộc họp BKS.

4.7. BKS sử dụng bộ máy phòng, ban chức năng của công ty triển khai các công việc của BKS theo quy định.

4.8. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị khuyết quá 1/2 số lượng theo quy định tại Khoản 4.1 Điều 4 Quy chế này Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung đủ số thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

4.9. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5: Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát.

Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và quy định tại Điều 54 trong Điều lệ Công ty bổ sung sửa đổi đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua, cụ thể như sau:

5.1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp khác tại Công ty;
- d) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

5.2. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 6: Trưởng Ban kiểm soát.

6.1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].

6.2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

6.3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- Trưởng ban kiểm soát chịu trách nhiệm và là đầu mối quan hệ và trực tiếp giải quyết công việc hàng ngày của BKS;
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát. Quản lý và chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.
- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát.
- Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham dự hoặc ủy quyền cho các thành viên BKS tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, được quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không được biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ và đột xuất của Ban kiểm soát gửi đến Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
- Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra, kiểm toán, yêu cầu lãnh đạo các đơn vị trong Công ty cung cấp số liệu, tài liệu thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu và có trách nhiệm bảo vệ bí mật số liệu, thông tin được cung cấp.
- Các quyền nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

7.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp,

Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

8.1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

8.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9: Các trường hợp mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

9.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

9.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

9.3. Trường hợp khác theo qui định tại Khoản 6 Điều 53 của Điều lệ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

10.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III: BAN KIỂM SOÁT

Điều 11: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát .

11.1 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều 55 của Điều lệ Công ty.

11.2. Quyền hạn:

11.2.1. Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này;

11.2.2. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc khi xét thấy cần thiết; Hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu và trong thời hạn 111 ngày, kể từ ngày kết thúc điều tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

11.2.3. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường, đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập, hoặc trực tiếp triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

11.2.4. Được sử dụng con dấu Công ty để tổ chức thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty theo quy định.

11.2.11. Các quyền hạn khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của pháp luật và Điều lệ Công ty.

11.3. Nghĩa vụ và trách nhiệm:

11.3.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản trị, điều hành của HĐQT, TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

11.3.2. Xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm và các quy định khác của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị; Kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi bổ sung các cơ chế, chính sách quản lý điều hành cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

11.3.3. Thực hiện chức năng kiểm soát nội bộ, có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11.3.4. Thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty. Báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát hàng năm trước Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung cơ bản:

(1) Kết quả thẩm định báo cáo tài chính đánh giá tình hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

(2) Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

(3) Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu KHSXKD và các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

(4) Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ... Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11.3.5. Thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Đại diện quản lý vốn của Công ty và cán bộ quản lý khác của Công ty có hành vi vi phạm; Yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

11.3.6. Lập và lưu giữ, cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

11.3.7. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến các chức danh quản lý thuộc Hội đồng quản trị, Ban điều hành của Công ty và các chức danh quản lý khác của Công ty.

11.3.8. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

11.3.9. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

11.3.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

12.1 Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

12.1.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.

12.1.2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

12.1.3. Các thông tin (báo cáo) tài chính, các thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; các thông tin khác; các biên bản họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

12.2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Trưởng nhóm đại diện vốn cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát (có phụ lục kèm theo).

12.3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở của Công ty, có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc.

Điều 13: Bảo mật thông tin.

13.1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền, với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Công ty và pháp luật.

13.2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

13.3. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

Chương IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14: Cuộc họp của Ban kiểm soát.

14.1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

14.2. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải được chuẩn bị nội dung trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban kiểm soát, yêu cầu Thư ký Công ty và bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

14.3. Thông báo mời họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên tham dự trước khi họp tối thiểu 05 ngày. Thông báo cuộc họp nêu rõ về: chương trình, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp, có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

14.4. Trường hợp cuộc họp của Ban kiểm soát được triệu tập nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp tiếp lần hai trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Sau hai lần triệu tập họp vẫn không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị và đề nghị xem xét về thành phần và tư cách của các thành viên Ban kiểm soát.

14.5. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 7 ngày sau bầu cử Ban kiểm soát. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát.

14.6. BKS có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty, do Trưởng Ban kiểm soát chủ trì. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau:

14.6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

14.6.2. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.

14.6.3. Trưởng Ban kiểm soát;

14.6.4. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát;

14.6.5 Tổng Giám đốc.

14.7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của các đối tượng nêu tại Khoản 14.6 Điều 14 của Quy chế này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau 2 lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp BKS, người đề nghị triệu tập có quyền báo cáo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền và đề nghị xem xét tư cách Trưởng ban kiểm soát.

14.8. Các cuộc họp của Ban kiểm soát sẽ được tiến hành tại văn phòng Ban kiểm soát của Công ty.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

15.1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng các nội dung và kết luận của cuộc họp.

15.2. Biên bản họp phải được đọc lại trước tất cả các thành viên ban kiểm soát viên tham dự phiên họp và được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

15.3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 16: Thông qua quyết định quan trọng của Ban kiểm soát.

16.1. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện biểu quyết.

16.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để biểu quyết vấn đề đó.

16.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển đến Chủ toạ của cuộc họp. Phán Quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và quyết định.

16.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 6 Điều 57 Điều lệ Công ty sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

16.5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

16.6. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp của Ban kiểm soát.

Điều 17: Nội dung, trình tự tiến hành kiểm tra, giám sát.

17.1. Kiểm tra, giám sát thường xuyên: Kiểm soát thông qua nghiên cứu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của Công ty. Kết quả kiểm soát là các kiến nghị (nếu có).

17.2. Kiểm tra, giám sát theo chuyên đề: Kiểm soát thông qua việc thực hiện, tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm soát chuyên đề của Công ty. Kết quả kiểm soát là các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra của Đoàn.

17.3. Kiểm tra, giám sát định kỳ: Kiểm soát việc tuân thủ các nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ, quy định ...; thẩm định nội bộ báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ khác của Công ty.

17.4. Kiểm tra, giám sát đột xuất: Kiểm tra, kiểm soát đối với các trường hợp sau:

- a) Theo đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;
- b) Khi Ban kiểm soát phát hiện có dấu hiệu bất thường;
- c) Theo cáo nội dung bất thường khác (ngoài các nội dung nêu trên).

17.5. Trình tự tiến hành giám sát định kỳ và đột xuất

17.5.1. Chuẩn bị kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác của Ban kiểm soát; tình hình thực tế và điều kiện cụ thể để xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng đợt, từng cuộc kiểm tra, kiểm soát. Theo đó, Ban kiểm soát cần nghiên cứu, tìm hiểu, xem xét các vấn đề liên quan; chuẩn bị các điều kiện, giải quyết các thủ tục cần thiết (có quyết định hoặc thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị Công ty, đối tượng kiểm tra, kiểm soát...) để triển khai thực hiện.

17.5.2. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát.

Bằng các phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, tổ chức thực hiện việc thu thập đầy đủ các bằng chứng cần thiết và có thể: xem xét, phân tích, đánh giá để có kết luận đúng, phù hợp; tìm nguyên nhân, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan....

17.5.3. Kết thúc kiểm tra, kiểm soát.

Tổng hợp và hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát để báo cáo Đại hội đồng cổ đông và thông báo với Hội đồng quản trị Công ty theo đúng quy định.

Theo dõi, kiểm soát và đánh giá quá trình khắc phục.

Chương V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

18.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

18.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

18.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

18.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

18.5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty.

18.6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

18.7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19: Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

19.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và được hưởng lợi ích khác theo Quy chế quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

19.2. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được Công ty thanh toán theo quy định.

19.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính của Công ty.

19.4. Ban Kiểm soát thống nhất phân chia khoản thù lao của BKS theo nguyên tắc sau:

- Tổng thù lao của BKS được ĐHCĐ thông qua hàng năm = (A) đồng;
- Chi thù lao cho (03) thành viên BKS (B) = $100\% \times (A)$;
Trong đó: + Thù lao cho Trưởng BKS (C) = $40\% \times (B)$;
+ Thù lao cho (02) thành viên BKS (D) = $60\% \times (B) / 2$.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

20.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

20.2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

20.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

20.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

20.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI: **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 21: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát.

21.1. Quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước.

21.1.1. Ban kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo các nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

21.1.2. Ban kiểm soát có trách nhiệm phối hợp với các bộ phận có liên quan khi các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra tại Công ty.

21.2. Quan hệ với cổ đông.

21.2.1. Ban kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định trong Điều lệ Công ty.

21.2.2. Khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát có trách nhiệm xem xét và trả lời kịp thời.

21.3. Quan hệ với Hội đồng quản trị.

21.3.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

21.3.2. Hội đồng quản trị đảm bảo Trưởng ban hoặc thành viên Ban kiểm soát (theo ủy quyền của Trưởng ban) tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị.

21.3.3. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban kiểm soát giám sát việc thực hiện các kết luận của Hội đồng quản trị.

21.3.4. Ban kiểm soát thẩm định các báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban kiểm soát có đầy đủ thông tin và thời gian cần thiết cần thiết để thực hiện thẩm định báo cáo này.

21.3.5. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.

21.4. Quan hệ với Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

21.4.1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành

21.4.2. Các báo cáo của Tổng giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị theo quy định tại Quy chế quản trị Công ty được đồng thời gửi cho Ban kiểm soát. Ngoài ra Ban TGD điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty có trách nhiệm báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

21.4.3. Ban kiểm soát thực hiện giám sát quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc và đưa ra các kiến nghị (khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty) đồng thời giám sát quá trình tổ chức thực hiện những kiến nghị này của Tổng giám đốc.

21.5. Quan hệ với đại diện quản lý vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác.

21.5.1. Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên các công ty TNHH 1TV do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ có trách nhiệm triển khai quyết định kiểm soát, giám sát của Ban kiểm soát Công ty; Đảm bảo cung cấp, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp những thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát Công ty.

21.5.2. Với các công ty khác: Đại diện, nhóm đại diện vốn của Công ty bảo đảm cung cấp, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp những thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

21.6. Mọi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành.

22.1. Quy chế này gồm bảy (7) Chương, hai mươi hai (22) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01 tháng 7 năm 2025**.

22.2. Những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của ban kiểm soát Công ty mà chưa được nêu trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

22.3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi thấy cần thiết Ban kiểm soát sẽ xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tế, các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**T/M. BAN KIỂM SOÁT VIỆN IMI
TRƯỞNG BAN**

Hoàng Thị Hồng Hạnh